

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Số: 317 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính các lĩnh vực thú y, lâm nghiệp, quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL; Quyết định số 374/QĐ-BNN-TCLN ngày 19 tháng 01 năm 2023 và Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13 tháng 02 năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ thực hiện thủ tục hành chính các lĩnh vực thú y, lâm nghiệp, quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, cụ thể như sau:

1. Công bố danh mục và quy trình nội bộ thực hiện 02 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực thú y;

2. Thay thế 03 thủ tục hành chính (số thứ tự 35, Mục II, Phần A và số thứ tự 15, 16 Phần B) tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021 và 02 thủ tục hành chính số thứ tự 01, 02 Mục IV, Phần B tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng;

3. Thay thế quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 72/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng, bao gồm:

- Số thứ tự 07 Mục I thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh;

- Số thứ tự 01, 02 tại các Mục I, IV và VI; số thứ tự 02, 08, 09, 11, 12 Mục IX thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Số thứ tự 01, 02 Mục VI thủ tục hành chính cấp huyện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc/Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Đà Lạt, Bảo Lộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *h*

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ (Cục KSTTHC);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- Lưu: VT, TTPVHCC.



CHỦ TỊCH

Trần Văn Hiệp

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH; THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG CÁC LĨNH VỰC THÚ Y, LÂM NGHIỆP, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG

(Kèm theo Quyết định số 317 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH LĨNH VỰC THÚ Y

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH						
1	1.011478	Cấp giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	- Trường hợp không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày (không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ) - Trường hợp không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày (không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục)	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng – Số 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.	- Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có)	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; - Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY ngày 13/02/2023.
2	1.011479	Cấp lại giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật	05 ngày làm việc	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng – Số 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.	Phí thẩm định đối với vùng an toàn dịch bệnh động vật: 3.500.000 đồng	- Luật số 79/2015/QH13; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC; - Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY.

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Lĩnh vực Lâm nghiệp

Thay thế 01 thủ tục hành chính (số thứ tự 35, Mục II, Phần A) tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng – Số 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt	Không	- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; - Quyết định số 374/QĐ-BNN-TCLN.

2. Lĩnh vực Thú y

Thay thế 02 thủ tục hành chính 01, 02 Mục IV, Phần B tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 240/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2023

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	1.011475	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ; - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ; phải thực hiện khắc phục theo quy	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng – Số 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.	- Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần (căn cứ khoản 2 Mục II Biểu phí, lệ phí trong công tác thú y Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy	- Luật số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật; - Thông tư số 101/2020/TT-

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
			định: 25 ngày không kể thời gian cơ sở hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục		định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y). - Chi phí xét nghiệm mẫu (nếu có): Theo Phụ lục 2 Biểu khung giá dịch vụ chẩn đoán thú y Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016.	BTC ngày 23/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; - Thông tư số 283/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định khung giá dịch vụ tiêm phòng, tiêu độc, khử trùng cho động vật, chẩn đoán thú y và dịch vụ kiểm nghiệm thuốc dùng cho động vật; - Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY.
2	1.011477	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật	05 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lâm Đồng – Số 36 Trần Phú, phường 4, Tp. Đà Lạt.	Phí thẩm định đối với cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: 300.000 đồng/lần	- Luật số 79/2015/QH13; - Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 101/2020/TT-BTC; - Quyết định số 554/QĐ-BNN-TY.

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH UBND TỈNH PHÂN CẤP UBND CẤP HUYỆN THỰC HIỆN

Thay thế 02 thủ tục hành chính (số thứ tự 15, 16 Phần B) tại danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 2511/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021.

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN						
1	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở	- Luật số 55/2010/QH12 ngày 17/6/2010 của Quốc hội về an toàn thực phẩm; - Thông tư 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí/Lệ phí	Căn cứ pháp lý
						- Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện đảm bảo an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND ngày 28/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng ban hành Quy định phân cấp quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng - Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL
2	2.001823	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận TNHS&TKQ cấp huyện	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở	- Luật số 55/2010/QH12; - Thông tư số 44/2018/TT-BTC; - Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT; - Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT; - Quyết định số 26/2020/QĐ-UBND; - Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL.

**QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CÁC LĨNH VỰC
THÚ Y, LÂM NGHIỆP, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY
SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH,
CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÂM ĐỒNG**
(Kèm theo Quyết định số 317 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 02 năm 2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

1. Lĩnh vực Thú y

1.1. Cấp giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (1.011478)

Thời gian thực hiện:

- Trường hợp không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 30 ngày (không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ)

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Giải quyết hồ sơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	29,5 ngày

- Trường hợp phải thực hiện khắc phục theo quy định: 35 ngày (không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục)

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Giải quyết hồ sơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	34,5 ngày

1.2. Cấp lại giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (1.011479)

Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Giải quyết hồ sơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	4,5 ngày

1.3. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (1.011475)

Thời gian thực hiện:

- Trường hợp không phải thực hiện khắc phục theo quy định: 20 ngày (không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ)

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Giải quyết hồ sơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	19,5 ngày

- Trường hợp phải thực hiện khắc phục theo quy định: 25 ngày (không kể thời gian vùng hoàn thiện hồ sơ và thực hiện khắc phục)

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào	Trung tâm phục vụ hành	0,5 ngày

	sổ, chuyển xử lý và trả kết quả	chính công tỉnh	
B2	Giải quyết hồ sơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	24,5 ngày

1.4. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (1.011477)

Thời gian thực hiện: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Giải quyết hồ sơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	4,5 ngày

2. Lĩnh vực Lâm nghiệp

2.1. Phê duyệt Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế (1.007917)

Thời gian thực hiện:

- Trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa: 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B9	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ và trình phương án trồng rừng thay thế	Sở Nông nghiệp và PTNT	19 ngày
B3	Phát hành tờ trình gửi UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	0,5 ngày
B4	UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B5	Xử lý hồ sơ tại Văn phòng UBND tỉnh	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	06 ngày
B6	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản tại Văn phòng UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
B7	Kí duyệt phương án trồng rừng thay thế	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B8	Văn thư UBND tỉnh đóng dấu, ban hành văn bản và trả kết quả giải quyết	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày

- Trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B9	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày
B2	Thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ và	Sở Nông nghiệp và PTNT	29 ngày

	trình phương án trồng rừng thay thế		
B3	Phát hành tờ trình gửi UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	0,5 ngày
B4	UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B5	Xử lý hồ sơ tại Văn phòng UBND tỉnh	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	06 ngày
B6	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản tại Văn phòng UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
B7	Kí duyệt phương án trồng rừng thay thế	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B8	Văn thư UBND tỉnh đóng dấu, ban hành văn bản và trả kết quả giải quyết	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày

2.2. Phê duyệt dự toán, thiết kế Phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế (1.007916)

- Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B9	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Tham mưu đơn vị trồng rừng, thẩm định dự toán thiết kế của đơn vị trồng rừng, trình thẩm định dự toán thiết kế	Sở Nông nghiệp và PTNT	19 ngày
B3	Phát hành tờ trình gửi UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	0,5 ngày
B4	UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B5	Xử lý hồ sơ tại Văn phòng UBND tỉnh	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	06 ngày
B6	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản tại Văn phòng UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	01 ngày
B7	Duyệt dự toán thiết kế trồng rừng	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B8	Văn thư UBND tỉnh đóng dấu, ban hành văn bản và trả kết quả giải quyết	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày

- Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh không bố trí đất để trồng rừng trên địa bàn: 05 ngày làm việc

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B9	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Tham mưu văn bản đề UBND tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và	Sở Nông nghiệp và PTNT	1,5 ngày

	PTNT		
B3	Phát hành văn bản gửi UBND tỉnh	Văn thư Sở Nông nghiệp và PTNT	0,5 ngày
B4	UBND tỉnh tiếp nhận hồ sơ	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B5	Xử lý hồ sơ tại Văn phòng UBND tỉnh	Chuyên viên Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B6	Xem xét hồ sơ, ký nháy văn bản tại Văn phòng UBND tỉnh	Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày
B7	Kí duyệt Văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT	Lãnh đạo UBND tỉnh	0,5 ngày
B8	Văn thư UBND tỉnh đóng dấu, ban hành văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	0,5 ngày

2.3. Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên (1.000047)

Thời gian thực hiện: 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Giải quyết hồ sơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	9,5 ngày

3. Lĩnh vực Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản

3.1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (2.001827)

Thời gian thực hiện: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Giải quyết hồ sơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	14,5 ngày

3.2. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn) (2.001823)

Thời gian thực hiện: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	0,5 ngày
B2	Giải quyết hồ sơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	14,5 ngày

4. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật

4.1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (1.007931)

Thời gian thực hiện: 13 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày
B2	Giải quyết hồ sơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	12,5 ngày

4.2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (1.007932)

Thời gian thực hiện: 13 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, cập nhật vào sổ, chuyển xử lý và trả kết quả	Trung tâm phục vụ hành chính công	0,5 ngày
B2	Giải quyết hồ sơ	Sở Nông nghiệp và PTNT	12,5 ngày

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH UBND TỈNH PHÂN CẤP CHO UBND CẤP HUYỆN THỰC HIỆN LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (2.001827)

Thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý và trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	0,5 ngày
B2	Giải quyết hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	14,5 ngày

1.2. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn) (2.001823)

Thời gian giải quyết TTHC: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Bước thực hiện	Nội dung thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian
B1 và B3	Tiếp nhận hồ sơ, chuyển xử lý và trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND cấp huyện	0,5 ngày
B2	Giải quyết hồ sơ	Phòng Nông nghiệp và PTNT	14,5 ngày